

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 4-2018

V/v Ly hôn giữa chị Th và anh C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Sỹ Sơn
2. Ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Trần Thị Hoàn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10/4/2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2017/TLST – HNGĐ ngày 03/5/2017 về việc Tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐST- HNGĐ ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị T, sinh năm 1992, có mặt

HKTT: phường NCT, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: NK, phường 3, GV, TP Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Đức C, sinh năm 1985, có mặt

Địa chỉ: thôn CDH, xã TH, huyện T, Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Phạm Gia C, sinh năm 1954, có mặt

Địa chỉ: thôn CDH, xã TH, huyện T, Thái Bình

3.2 Anh Tống Duy T, sinh năm 1977, vắng mặt

Địa chỉ: khu phố 3, phường TX, quận 12, thành phố H

3.3 Anh Đỗ Đức T, sinh năm 1966, vắng mặt

Địa chỉ: xã TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

3.4 Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961, vắng mặt

Địa chỉ: phường QT, thành phố LC, tỉnh Lai Châu

3.5 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1946, vắng mặt

Địa chỉ: thôn CDH, xã TH, huyện T, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Hồ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Phạm Đức C, sinh năm 1985 ở thôn CDH, xã TH, huyện T, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 12/6/2015, có đăng ký tại UBND phường NCT, quận 1, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại Thành phố H, vui vẻ hòa thuận được khoảng 9 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do có nhiều áp lực trong công việc, vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra xô xát, nhiều lần anh C đánh chị, có hai lần chị đã phải nhập viện điều trị vết thương nhưng chị tự giải quyết mà không báo chính quyền địa phương. Tất cả mâu thuẫn giữa chị và anh C có mẹ đẻ anh C là người chứng kiến. Hai bên gia đình đã hòa giải, động viên nhưng mâu thuẫn giữa chị và anh C không giảm mà ngày càng nhiều hơn. Tháng 11/2016 chị và anh C ly thân. Nay chị xác định giữa chị và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể đoàn tụ được chị đề nghị giải quyết ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: Chị và anh Phạm Đức C có một con chung là cháu Phạm Hồ GA, sinh ngày 24/11/2015. Tháng 12/2016, do mâu thuẫn anh C ép chị đẻ anh C đưa bé Phạm Hồ GA về trú tại thôn CDH, xã TH, từ đó đến nay cháu A vẫn ở tại đây. Anh C thường đi làm vắng nhà nên phải gửi cháu A cho bố mẹ đẻ anh C chăm sóc. Nhiều lần chị muốn đón con về thành phố H để nuôi dưỡng nhưng đều bị anh C cản trở không cho chị đón. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nếu anh C tự nguyện cấp dưỡng chị chấp nhận.

Về phân tài sản: Trong thời gian chung sống chị và anh C có mua 01 xe ô tô để kinh doanh nhưng do làm ăn không hiệu quả chị và anh C đã bán xe trả nợ nên hiện nay chị xác định anh, chị không có tài sản gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh C không nợ ai, nếu trường hợp anh C có khai về các khoản nợ thì đó là khoản nợ riêng của anh C.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử bị đơn là anh Phạm Đức C trình bày.

Về hôn nhân: Anh thừa nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị Hồ Thị T trình bày là đúng. Anh xác định từ tháng 8/2016 giữa anh và chị T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh, chị mua xe ô tô để kinh doanh dịch vụ du lịch nhưng làm ăn không thuận lợi, chị T không thông cảm mà luôn có ý trách móc. Nhiều lần anh khuyên bảo chị T cố gắng, bình tĩnh khắc phục khó khăn trước mắt nhưng chị T không nghe. Do muốn chị T có thời gian suy nghĩ nên tháng 12/2016 anh và con đã về ở tại thôn CDH, xã TH, từ đó chị T không liên lạc với anh, anh liên lạc bằng điện thoại nhiều lần nhưng chị T không nghe máy. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng bình thường, hiện con còn nhỏ, anh còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Phạm Hồ GA như chị T trình bày. Tháng 12/2016, vợ chồng ly thân anh đã đưa cháu A về trú tại thôn CDH, xã TH. Cháu A hiện được anh và gia đình chăm sóc cẩn thận, chu đáo và phát triển tốt. Từ khi cháu A về ở với anh chị T không hỏi han chăm sóc gì đến cháu. Nay để ổn định cho cuộc sống của cháu anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc con chung, anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về phân tài sản: Anh và chị T hiện không có tài sản chung gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về nợ chung: Trong thời kỳ chung sống, vì cần vốn làm ăn anh và chị T có các khoản vay nợ sau: Vay bố đẻ anh là ông Phạm Gia C, sinh năm 1954 ở thôn CDH, xã TH 50.000.000 đồng; vay bác anh là ông Phạm Quốc C (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1946 ở thôn CDH, xã TH 20.000.000 đồng; vay cô ruột anh là Phạm Thị L, sinh năm 1961 ở tổ 1, phường QT, thành phố LC, tỉnh LC 20.000.000 đồng; vay chú họ anh là Đỗ Đức T, sinh năm 1966 địa chỉ xã TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai số tiền 40.000.000 đồng; vay em họ anh là Tống Duy Tăng, sinh năm 1977; địa chỉ: phường TX, quận 12, thành phố H 20.000.000 đồng. Các khoản vay khác khi làm ăn không có hiệu quả anh, chị đã bán xe ô tô và trang trải hết. Hiện tổng số nợ chung chưa trả là 150.000.000 đồng anh và chị Hồ Thị Thơm có trách nhiệm mỗi người thanh toán $\frac{1}{2}$ nợ = 75.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2017, quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Gia C trình bày:

Tháng 6/2016 anh Phạm Đức C và chị Hồ Thị T có mua xe ô tô kinh doanh ông đã vay lãi Ngân hàng hộ anh chị 50.000.000 đồng; tháng 11/2017 khi anh chị đã ly thân ông tiếp tục vay anh em họ hàng cho anh C vay 26.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông yêu cầu anh C, chị T thanh toán cho ông là 79.100.000 đồng. Ngày 19/7/2017 ông đã nhận thông báo tạm ứng án phí của tòa án nhưng do tiền ông vay cho anh C và chị T, hiện phải trả lãi cho anh chị ông không nộp tạm ứng án phí.

Tại đơn đề nghị, bản tự khai ngày 22/8/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L trình bày:

Bà là cô ruột của anh Phạm Đức C, Bà có cho anh C và chị T vay 30.000.000 đồng để anh C mua xe taxi. Nay anh, chị ly hôn bà yêu cầu anh, chị phải trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Chồng bà là Phạm Quốc C là bác ruột anh Phạm Đức C, hiện ông C đã chết. Bà không cho anh Phạm Đức C vay tiền, khi ông C còn sống có cho anh C vay tiền không bà cũng không biết và bà cũng không nghe ông C nói gì về việc cho anh C vay tiền. Nay anh C và chị T ly hôn bà không có yêu cầu gì đối với anh C và chị T.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác như anh Tổng Duy T, anh Đỗ Đức T đều đã được Tòa tổng đạt hợp lệ thông báo, triệu tập nhưng đều vắng mặt nên không ghi được ý kiến của anh T và anh T

Do các đương sự không thống nhất giải quyết nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Hồ Thị T ly hôn anh Phạm Đức C; Về con chung: Giao con chung Phạm Hồ GA cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh C và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Gia C và bà Phạm Thị L không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí, bà Phạm Thị L không yêu cầu, ông Tổng Duy T, anh Phạm Đức T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: chị Hồ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về hôn nhân:*

Chị Hồ Thị T và anh Phạm Đức C kết hôn có đăng ký, là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 9 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc không thống nhất được trong việc phát triển kinh tế, vợ chồng lại không thông cảm, động viên nhau cùng vượt qua khó khăn. Tháng

12/2016 đến nay anh chị sống ly thân, chị T hiện sống và làm việc tại thành phố H, anh C sống tại Thái Bình ai biết bổn phận của người đó không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Hai bên gia đình đã động viên, khuyên bảo nhưng chị T vẫn đề nghị giải quyết ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị xác định giữa chị và anh C không thể cùng chung sống. Mặc dù anh C cho rằng hiện anh vẫn còn tình cảm với chị T, không đồng ý ly hôn nhưng anh C cũng không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị T đã căng thẳng và sâu sắc, mục đích xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Hồ Thị T ly hôn anh Phạm Đức C.

[2]. *Về nuôi con chung*: Chị Hồ Thị T và anh Phạm Đức C có một con chung là Phạm Hồ GA, sinh ngày 24/11/2015. Anh C và chị T đều muốn được trực tiếp chăm sóc con chung. Tuy nhiên xét thấy con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi; điều kiện của chị Thơm có phần ổn định hơn nên căn cứ vào quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Hồ GA cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nên chấp nhận. Anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. *Về chia tài sản chung*: Chị Hồ Thị T và anh Phạm Đức C thống nhất xác định anh chị không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ*: Chị Hồ Thị T xác định chị và anh C không vay nợ ai.

Anh Phạm Đức C đã cung cấp thông tin về các khoản vay nợ của vợ chồng, trong đó vay ông Phạm Gia C 50.000.000 đồng; vay ông Phạm Quốc C (đã chết) và bà Phạm Thị L 20.000.000 đồng; vay bà Phạm Thị L 20.000.000 đồng; Vay anh Đỗ Đức T 40.000.000 đồng; vay anh Tống Duy T 20.000.000 đồng. Tổng là 150.000.000 yêu cầu chị T thanh toán 75.000.000 đồng. Tòa án đã thu thập chứng cứ thông báo cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông C, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị L, anh Tống Duy T, anh Đỗ Đức T biết và triệu tập họ đến làm việc làm rõ yêu cầu Ông Phạm Gia C có yêu cầu anh C, chị T trả số tiền 79.100.000 đồng; bà Phạm Thị L có yêu cầu anh C, chị T trả 30.000.000 đồng và đã nhận được thông báo nộp tạm ứng án phí nhưng ông C và bà L đều không nộp nên không thụ lý giải quyết yêu cầu của ông C và bà L; Bà Nguyễn Thị L không có yêu cầu gì đối với anh C, chị T; anh Tống Duy T và anh Đỗ Đức T đều không có ý kiến gì cho nên Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, từ đó cũng không có cơ sở để xét yêu cầu phân chia nợ của anh Phạm Đức C.

[6]. *Về án phí*: Chị Hồ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị T ly hôn anh Phạm Đức C

2. Về con chung: Chị Hồ Thị T và anh Phạm Đức C có một con chung là Phạm Hồ GA, sinh ngày 24/11/2015. Giao con chung Phạm Hồ GA cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Hồ Thị T không yêu cầu anh Phạm Đức C cấp dưỡng nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung được đặt ra giải quyết khi đương sự có yêu cầu. Anh Phạm Đức C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Đức C và chị Hồ Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Phạm Gia C và bà Phạm Thị L đều không nộp tạm ứng án phí nên không thụ lý giải quyết yêu cầu của ông Phạm Gia C và bà Phạm Thị L; Bà Nguyễn Thị L không có yêu cầu gì đối với anh Phạm Đức C và chị Hồ Thị T; anh Tống Duy T và anh Đỗ Đức T đều không có ý kiến gì cho nên không có cơ sở để xét yêu cầu phân chia nợ của anh Phạm Đức C.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Hồ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền được 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0001018 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị Hồ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Hồ Thị T và anh Phạm Văn C, ông Phạm Gia C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị L, anh Tống Duy T, anh Đỗ Đức T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TH, Thái Thụy
- UBND phường NCT, Q1
- Thành phố H
- VKSND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

